

Bản án số: 138/2019/HS-PT

Ngày: 21-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Hoàng;

- *Thẩm phán thành viên:* Ông Bùi Ngọc Thạch;

Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tường Vy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 148/2019/TLPT-HS ngày 23/7/2019 đối với bị cáo Nguyễn Trọng H. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2019/HS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Trọng H, sinh năm 1995, tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không. Nơi ở trước khi bị bắt: Số N, tổ M, khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng P (đã chết) và bà Lê Thị Đ (đã chết); bị cáo có 04 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất không nhớ rõ; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1999 và có 01 người con sinh năm 2019.

Tiền án: Bản án số 320/2013/HSST, ngày 07/6/2013 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, ngày 30/11/2014 chấp hành xong hình phạt tù, ngày 10/02/2015 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm.

Bản án hình sự sơ thẩm số 185/2016/HSST, ngày 23/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bản án hình sự sơ thẩm số 223/2016/HSST, ngày 18/4/2016 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 15/9/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Nai ra

quyết định số 03/2016/QĐ-THHP tổng hợp hình phạt hai bản án trên là 02 năm 02 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2015. Ngày 13/10/2017 chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 23/8/2016 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm đối với Bản án số 223/2016/HSST, riêng án phí hình sự sơ thẩm đối với Bản án số 185/2016/HSST chưa thi hành.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/9/2007, Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định số 1967/QĐ-UBND áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản. Chấp hành xong ngày 01/10/2009.

Ngày 19/3/2019 bị cáo bị bắt tạm giam đến nay. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị hại và 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 09 giờ 30 phút sáng ngày 20/01/2019, Nguyễn Thanh L điện thoại rủ Nguyễn Trọng H đi trộm cắp tài sản và kêu H rủ thêm Hà Văn T, H đồng ý. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, H đến phòng trọ của T ở Lò gạch P thuộc ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương rủ T đi trộm cắp tài sản, T đồng ý. Sau đó H điều khiển xe mô tô hiệu Max màu hồng, biển số 60FL-9170 chở T đến gặp L tại Lò gạch M ở xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương. Tại đây, cả ba thống nhất đi về hướng thị xã C, tỉnh Bình Dương tìm tài sản để trộm. Khi đi, H điều khiển xe mô tô Wave màu đỏ, biển số 71B-907.32 chở L, còn T điều khiển xe mô tô Max màu hồng, biển số FL-9170 đi một mình.

Đến khoảng 13 giờ 00 phút H, T và L đến cơ sở mua bán phế liệu của bà Lê Thị L, sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú khu phố N, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương. H kêu T và L điều khiển xe sang bên kia đường để cảnh giới, còn H trực tiếp vào trong cơ sở của bà L tìm tài sản lấy trộm. H dùng 01 đoạn cây sắt (càng cua) dự định để cạy khóa nhưng khi đến cổng, thấy phía trên cửa cổng hở ra nên H bỏ lại cây sắt bên dưới cổng rồi leo vào bên trong, đi vào phòng ngủ lục tìm tài sản, H thấy 4.000.000 đồng trong giỏ xách màu vàng để trong ngăn dưới của tủ quần áo; 02 (hai) chiếc nhẫn vàng 9999, mỗi chiếc trọng lượng 0,5 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 18K, trọng lượng 0,5 chỉ ở trong tủ sắt. H lấy tiền và vàng bỏ vào giỏ xách màu vàng rồi trốn thoát ra ngoài thì bị Nguyễn Minh Q, sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh

Bình Dương ở gần đó phát hiện và báo cho ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975, hộ khẩu thường trú khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương cùng tri hô và đuổi bắt được Hà Văn T giao cho Công an phường B xử lý, còn L và H chạy thoát. H chạy đến nơi có ruộng nước và ẩn nấp ở bụi cây gần đó. Đến 16 giờ cùng ngày, H bỏ tài sản trộm được tại khu vực ẩn nấp rồi đi ra Quốc lộ L đón xe khách về nhà bà ngoại của H ở chợ N, thành phố C, tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 19/3/2019, Cơ quan điều tra Công an thị xã C bắt được H tại thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

Tang vật thu giữ:

- 01 xe mô tô hiệu Wave Alpha màu đỏ, biển số 71B-907.32, số khung RRKWCH1UM7XB07042; số máy VTT18TL 1P52FMH007042 thu giữ của Nguyễn Thanh L.

- 01 xe mô tô hiệu Max màu hồng, biển số 60FL-9170 số máy VLFPD1P50FMG347A103916, số khung RPDDCG2PD7A003916 thu giữ của Nguyễn Trọng H;

- 01 ổ khóa hiệu YQFI thu giữ của Nguyễn Trọng H;

- 01 đoạn sắt phi 16 thu giữ của Nguyễn Thanh L;

- 01 đôi dép và 01 mũ bảo hiểm thu giữ của Nguyễn Trọng H;

- 01 xe mô tô hiệu Suzuki Satria RGV 120 màu xanh trắng, biển số 60B1-027.55, số khung 120UYA880, số máy F124140880 thu giữ của Nguyễn Trọng H;

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60B1-027.55 số khung 120UYA880, số máy F124140880 thu giữ của Nguyễn Trọng H;

- 01 giấy mua bán xe mô tô biển số 60B1-027.55, người bán tên Nguyễn Liên T1, giấy mua bán đề ngày 17/01/2019 thu giữ của Nguyễn Trọng H;

- 01 áo khoác màu đen thu giữ của Nguyễn Trọng H;

- 01 giỏ xách màu vàng thu giữ của Nguyễn Trọng H.

Riêng tiền và vàng H lấy được và bỏ lại hiện trường, Cơ quan điều tra Công an thị xã C không thu hồi được.

Ngày 24/01/2019 Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã C định giá 02 chiếc nhẫn vàng 9999, mỗi chiếc trọng lượng 0,5 chỉ và 01 chiếc nhẫn vàng 18K, trọng lượng 0,5 chỉ trị giá 4.928.250 đồng. Tổng giá trị tài sản, H, L và T trộm được là 8.928.250 đồng.

Ngày 27/4/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã C ra Quyết định xử lý vật chứng số 112/QĐ giao trả tài sản gồm: 01 ổ khóa hiệu YQFI, 01 giỏ xách màu vàng cho bà Lê Thị L. Bà L nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Đối với xe mô tô hiệu Wave Alpha biển số 71B-907.32 số khung RRKWCH1UM7XB07042; số máy VTT18TL 1P52FMH007042 do Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1979, trú tại số F, ấp O, xã P, huyện K, tỉnh Bến Tre đứng tên chủ sở hữu, ông H1 xác định đã bán xe mô tô này cho Đỗ Duy T2, sinh năm 1993, trú tại số H ấp O, xã P, huyện K, tỉnh Bến Tre với giá 1.500.000 đồng, khi bán xe không làm giấy tờ mua bán. Sau đó Đỗ Duy T2 bán lại cho Bùi Minh C, sinh năm 1980, trú tại: Số L ấp O, xã P, huyện K, tỉnh Bến Tre với giá 1.500.000 đồng, khi bán xe không làm giấy tờ mua bán. Sau khi sử dụng được khoảng 01 tháng Bùi Minh C cho lại cho anh ruột là Bùi Văn H3, sinh năm 1977, trú tại địa chỉ số N, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre. Sau đó, Bùi Văn H3 bán lại cho 01 người đàn ông không rõ lai lịch ở tỉnh Bến Tre với giá 1.500.000 đồng. Ngày 04/4/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã C đã thông báo truy tìm chủ sở hữu hoặc người sử dụng hợp pháp của xe mô tô trên báo T, đến nay chưa tìm được chủ sở hữu.

Đối với xe mô tô hiệu Max màu hồng, biển số 60FL-9170 số máy VLFPD1P50FMG347A103916, số khung RPDDCG2PD7A003916 là xe của ông Nguyễn Trọng H, ông H mua lại của 01 người thanh niên không rõ lai lịch vào ngày 10/4/2018, gần cầu S, thành phố C, tỉnh Đồng Nai với giá là 1.500.000 đồng, khi mua xe không có giấy đăng ký xe và cũng không viết giấy mua bán. Ngày 20/01/2019 H nói với ông H1 cho H mượn xe đi uống cà phê nên ông H1 đồng ý. Qua xác minh tại Phòng K Công an tỉnh Bình Dương xác định biển số xe 60FL-9170 có chủ sở hữu là Trương Thị L1, sinh năm 1960, trú tại số N, khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai. Bà L1 cho biết hiện đang sử dụng xe mô tô hiệu FASHION, mang biển số 60FL-9170 (trùng với biển số xe Max), số máy 001822, số khung 001822. Riêng kết quả tra cứu số máy VLFPD1P50FMG347A103916, số khung RPDDCG2PD7A003916 xác định “không tìm thấy dữ liệu tra cứu”. Ngày 04/4/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã C đã ra Công văn số 136 đề nghị báo T thông báo truy tìm chủ sở hữu hoặc người sử dụng hợp pháp của xe mô tô nói trên, đến nay chưa tìm được chủ sở hữu.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria RGV 120 màu xanh trắng, biển số 60B1-027.55, số khung 120UYA880, số máy F124140880 là xe H mua của Nguyễn Liên T4, sinh năm 1983, không rõ địa chỉ thường trú vào ngày 17/01/2019 có làm giấy tờ mua bán xe, T4 có giao giấy chứng nhận đăng ký xe

cho H. Khi mua bán xe, H thấy biển số trùng với biển số ghi trên giấy chứng nhận đăng ký nên nghĩ xe hợp pháp. H mua xe này với giá 30.000.000 đồng. Quá xác minh tại Phòng K Công an tỉnh Bình Dương kết quả xác định: Biển số 60B1-027.55 gắn trên xe thu giữ của H có chủ sở hữu là Thạc Đình T5, sinh năm 1982, trú tại số M, tổ F khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai, số máy JF27E-0532139, số khung: RLHJF1800AY-512440, nhãn hiệu HONDA AIR BLADE. Qua xác minh, hiện nay bà Dương Thị T6, sinh năm 1959, trú tại số R, tổ F khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai là mẹ ruột của Thạc Đình T5 đang sử dụng chiếc xe này. Trong quá trình sử dụng không bị mất giấy đăng ký, cũng như biển số xe. Về số khung 120UYA880, số máy F124140880 trên xe của H có dấu hiệu đục xóa nên ngày 20/02/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã C đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự P Công an tỉnh Bình Dương giám định để tìm số khung số máy nguyên thủy. Ngày 21/02/2019 Phòng Kỹ thuật hình sự P Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Số khung nguyên thủy là BE12A-TH125160 (tại vị trí cổ phải), số máy nguyên thủy là E1?3-TH18??? (dấu ? là chữ số bị mài sâu không đọc được).

Đối với Hà Văn T, sau khi được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn và cấm đi khỏi nơi cư trú Hà Văn T đã bỏ trốn, Công an thị xã C đã ra Lệnh truy nã và ra quyết định tạm đình chỉ điều tra khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thanh L sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2019/HS-ST ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã C đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng H 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/3/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 18/6/2019, bị cáo Nguyễn Trọng H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng, bị cáo kháng cáo trong thời gian quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm để xem xét giải quyết kháng cáo của bị cáo là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo, sau khi xem xét hành vi phạm tội,

nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Nguyễn Trọng H 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng bị cáo có nhân thân xấu về tội trộm cắp tài sản và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, bị cáo H khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội làm lại cuộc đời, có điều kiện chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 20/01/2019 Hà Văn T cùng với Nguyễn Thanh L, Nguyễn Trọng H đến cơ sở mua phế liệu của bà Lê Thị L ở khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương để trộm tài sản. T và L đứng cạnh giới còn H trực tiếp vào nhà lục tìm tài sản lấy 4.000.000 đồng, 02 (hai) chiếc nhẫn vàng 9999, mỗi chiếc trọng lượng 0,5 chỉ, 01 (một) chiếc nhẫn vàng 18K, trọng lượng 0,5 chỉ. Tổng số tiền, vàng H lấy trộm là 8.928.250 đồng. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo H về tội Trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội.

[2] Hành vi lén lút chiếm đoạt tiền, vàng của bị cáo Nguyễn Trọng H là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết được hành vi trộm cắp tài sản là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn phạm tội với lỗi cố ý, cho thấy bị cáo là người xem thường pháp luật. Về nhận thức, bị cáo H biết rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là hành vi trái pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi, lười lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo bất chấp hậu quả thực hiện hành vi phạm tội.

[3] Đối với kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhưng bị cáo có nhân thân xấu đã nhiều lần vi phạm pháp luật và bị xét xử về tội Cố ý gây thương tích, Trộm cắp tài sản. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo mức hình phạt 03 (ba) năm tù là không nặng, tương xứng với hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, nên Hội đồng xét xử không có

căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Trọng H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

1/ Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng H; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 91/2019/HS-ST ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng H 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/3/2019.

2/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Trọng H phải nộp 200.000 đồng.

3/ Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|---------------------------------|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND thị xã C; | 2 |
| - VKSND thị xã C; | 1 |
| - Chi cục THADS thị xã C; | 1 |
| - Phòng PV06 - Công an tỉnh BD; | 1 |
| - Công an thị xã C; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Bị cáo; | 1 |
| - Lưu: Tổ HCTP, HSVA, Tòa HS. | 3 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Thanh Hoàng